TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Danh Đẹp**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Tuyết M**, sinh năm 1.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1980

Địa chỉ theo HKTT: Ấp N, xã N, tỉnh A.

Địa chỉ hiện nay: Hãng nước đá Y, nhà trọ M, ấp M, xã B, tỉnh A.

(Tại phiên tòa, chị Mai có mặt, anh Mạnh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2025 của chị Nguyễn Tuyết M, bản tự khai của chị Nguyễn Tuyết M, nội dung phiên không hòa giải được ngày 25/7/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Nguyễn Tuyết M trình bày:*

Do sự mai mối của gia đình hai bên, tôi cùng anh Trần Văn M đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 09/3/2006 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang) vào năm 2013 và đã được UBND xã Ngọc Chúc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 người con chung là cháu Trần Văn Quỳnh, sinh ngày 21/01/2008 và cháu Trần Văn Quân, sinh ngày 19/5/2013

đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; không có tài sản chung; không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt không thể hàn gắn được nên chúng tôi đã ly thân hai năm nay.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Cho tôi được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Văn Quỳnh, sinh ngày 21/01/2008 và cháu Trần Văn Quân, sinh ngày 19/5/2013 cho đến khi cháu Trần Văn Quỳnh, cháu Trần Văn Quân tròn 18 tuổi; Tôi không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi cam đoan là trong thời gian chung sống thì tôi và anh Trần Văn M không có nợ chung, nếu có thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Văn M theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Văn M không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Trần Văn M.

* *Tại phiên tòa,* chị Nguyễn Tuyết M vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết M; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn M do chị Nguyễn Tuyết M không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2006, chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn M thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 19/5/2025, chị Nguyễn Tuyết M gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn Mh. Anh Trần Văn M có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, tỉnh A nhưng từ tháng 05/2025 đến nay cư trú tại ấp M, xã B, tỉnh A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh

Trần Văn M không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Trần Văn M tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20/8/2025 cho anh Trần Văn M theo quy định của pháp luật, anh Trần Văn M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Nguyễn Tuyết M, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết M:

Tuy anh Trần Văn M không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án, nhưng qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án đủ cơ sở xác định:

2.1. Về hôn nhân: Vào năm 2006, chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn M đi đến hôn nhân do sự mai mối của gia đình hai bên, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang) vào năm 2013 và đã được UBND xã Ngọc Chúc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/2013, quyển số 01/2013. Do mâu thuẫn về nhiều mặt không thể hàn gắn được nên chị M và anh M đã ly thân hai năm nay. Theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn M là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Văn M không hợp tác mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải giữa anh Trần Văn M và chị Nguyễn Tuyết M nhiều lần- Chứng tỏ anh M không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị M. Tại phiên tòa, chị M vẫn yêu cầu được ly hôn với anh M. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Tuyết M đối với anh Trần Văn M.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn M có hai người con chung là các cháu Trần Văn Quỳnh, sinh ngày 21/01/2008 và Trần Văn Quân, sinh ngày 19/5/2013 đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi chị M và anh M ly thân cho đến nay.

Căn cứ vào các Điều 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nguyện vọng của các cháu Trần Văn Quỳnh, Trần Văn Quân vào ngày 28/5/2025 (BL 22, 23) và nhằm

đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định về tình cảm, tâm lý của các cháu Quỳnh, Quân, Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Tuyết M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Văn Quỳnh, Trần Văn Quân cho đến khi cháu Trần Văn Quỳnh, cháu Trần Văn Quân tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi các cháu Trần Văn Quỳnh, Trần Văn Quân: Do chị Nguyễn Tuyết M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.4. Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Tuyết M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về hướng giải quyết vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết M.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Nguyễn Tuyết M phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Nguyễn Tuyết M phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Tuyết M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010729, ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang), chị Nguyễn Tuyết M không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Tuyết M và anh Trần Văn M.

2- Về con chung: Cho chị Nguyễn Tuyết M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Văn Quỳnh, sinh ngày 21/01/2008, Trần Văn Quân, sinh ngày 19/5/2013 cho đến khi cháu Trần Văn Quỳnh, cháu Trần Văn Quân tròn 18 tuổi; Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Tuyết M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Tuyết M phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Nguyễn Tuyết M phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Tuyết M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010729, ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang), chị Nguyễn Tuyết M không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4.2. Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Tuyết M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (19/9/2025); anh Trần Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang (khi án có hlpl);
- UBND xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương